

TRƯỜNG: THCS
TỔ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN TOÁN, KHỐI LỚP 9

SÁCH CÁNH DIỀU

(Năm học 2024 - 2025)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Số lớp: lớp 9 ; Số học sinh:

2. Tình hình đội ngũ:

Số giáo viên: giáo viên; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: giáo viên Đại học: giáo viên ; Trên đại học: giáo viên.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: giáo viên; Khá: giáo viên; Đạt giáo viên;; Chưa đạt: giáo viên

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|-----|---|----------|---|---------|
| 1 | Máy tính, máy chiếu tại các phòng học, bảng tương tác | bộ | Dùng cho các tiết dạy có ứng dụng CNTT | |
| 2 | Thước kẻ, Eke, compa của giáo viên | bộ | Dụng cụ vẽ hình dùng cho các tiết hình học | |
| 3 | Bìa giấy cứng, keo dán, Dụng cụ thủ công | Bộ | Dùng cho các tiết tạo hình, hoạt động trải nghiệm | |

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
|-----|---------------|----------|-----------------------------|---------|
| 1 | Phòng Tin học | 01 | | |
| 2 | Lớp học | 01 | | |

II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Phân bố các tiết dạy: Số tiết 140 tiết (35 tuần, mỗi tuần 4 tiết)

| | Đại số | Thống kê và xác suất | Hình | Ôn tập – Kiểm tra | Tổng | Hoạt động thực hành và trải nghiệm (4 tiết) |
|-----------|---------------|-----------------------------|-------------|---|-------------|--|
| Học kì I | | | | Ôn tập giữa kì (4 tiết) K.tra giữa kì (2 tiết) Ôn tập cuối kì (4 tiết) K.tra cuối kì (2 tiết) Trả bài kiểm tra cuối kì (2 tiết) | 72 | Hoạt động thực hành và trải nghiệm (2 tiết) <i>Chủ đề: Thực hành tạo Hologram</i> |
| Học kì II | | | | Ôn tập giữa kì (4 tiết) K.tra giữa kì (2 tiết) Ôn tập cuối kì (6 tiết) K.tra cuối kì (2 tiết) Trả bài kiểm tra cuối kì (2 tiết) | 68 | Hoạt động thực hành trải nghiệm (2 tiết) <i>Chủ đề: Thực hành đo chiều cao</i> |

1. Phân phối chương trình:

PHẦN ĐẠI SỐ

| STT | Bài học | Số tiết | Tiết theo PPCT | Yêu cầu cần đạt. | Thiết bị dạy học |
|---|---|----------------|-----------------------|---|-------------------------|
| Chương I. Phương trình và hệ phương trình bậc nhất | | | | | |
| | §1. Phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn | 5 | 1.2.3.4.5 | - Giải được phương trình tích có dạng $(a_1x + b_1)(a_2x + b_2) = 0$ - Giải được phương trình chứa ẩn ở mẫu quy về phương trình bậc nhất | |
| | §2. Phương trình bậc nhất hai ẩn. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn | 2 | 6.7 | - Nhận biết được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn - Nhận biết được khái niệm nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn | |
| | §3. Giải hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn | 6 | 8.9.10 11.12.13 | - Giải được hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế và phương pháp cộng đại số - Tìm được nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng máy tính cầm tay | |
| | Bài tập cuối chương I | 2 | 14.15 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến phương trình và hệ phương trình - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến hệ hai phương trình | |
| | Ôn tập giữa học kì I | 3 | 16.17.18 | Hệ thống và củng cố các kiến thức đã học trong nửa đầu học kì I | |

| | | | | | |
|---|---|---|----------------|--|--|
| | KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I | 1 | 19 | Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kỹ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì I | |
| Chương II. Bất đẳng thức. Bất phương trình bậc nhất một ẩn | | | | | |
| | §1. Bất đẳng thức | 3 | 20.21.22 | - Nhận biết được thứ tự trên tập hợp các số thực - Nhận biết được bất đẳng thức và mô tả được một số tính chất cơ bản của bất đẳng thức (tính chất bắc cầu; tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép cộng, phép nhân) | |
| | §2. Bất phương trình bậc nhất một ẩn | 3 | 23.24.25 | - Nhận biết được khái niệm bất phương trình bậc nhất một ẩn, nghiệm của bất phương trình bậc nhất một ẩn - Giải được bất phương trình bậc nhất một ẩn | |
| | Bài tập cuối chương II | 2 | 26.27 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến bất đẳng thức, phương trình, hệ phương trình và bất phương trình bậc nhất một ẩn - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến bất phương trình | |
| | Hoạt động thực hành và trải nghiệm Chủ đề 1. Làm quen với bảo hiểm | 1 | 28 | - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến bất phương trình | |
| Chương III. Căn thức | | | | | |
| | §1. Căn bậc hai và căn bậc ba của số thực | 4 | 29.30.31.32 | - Nhận biết được khái niệm về căn bậc hai của số thực không âm, căn bậc ba của một số thực - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai, căn bậc ba của một số hữu tỉ bằng máy tính cầm tay - Nhận biết được khái niệm về căn thức bậc hai, căn thức bậc ba của một biểu thức đại số | |
| | §2. Một số phép tính về căn bậc hai của số thực | 2 | 33.34 | Sử dụng các tính chất của phép khai phương (khai phương của một bình phương, một tích hay một thương) để thực hiện biến đổi, tính giá trị, rút gọn biểu thức | |
| | Ôn tập học kì I | 2 | 35.36 | Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì I | |
| | Kiểm tra học kì I | 1 | 37 | Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kỹ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì I | |
| | Trả bài kiểm tra học kì I | 1 | 38 | | |
| HỌC KÌ II | | | | | |
| | §2. Một số phép tính về căn bậc hai của số thực | 2 | 39.40 | Sử dụng các tính chất của phép khai phương (khai phương của một bình phương, một tích hay một thương) để thực hiện biến đổi, tính giá trị, rút gọn biểu thức | |
| | §3. Căn thức bậc hai và căn thức bậc ba của biểu thức đại số | 2 | 41.42 | - Nhận biết được khái niệm về căn thức bậc hai, căn thức bậc ba của một biểu thức đại số | |
| | §4. Một số phép biến đổi căn thức bậc hai | 5 | 43.44.45.46.47 | Thực hiện các biến đổi trực căn thức ở mẫu, khử mẫu của biểu thức lấy căn, rút gọn biểu thức chứa dấu căn. | |

| | | | | | |
|--|---|---|-------|--|--|
| | của biểu thức đại số | | | | |
| | Bài tập cuối chương III | 1 | 48 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến căn và căn thức bậc hai, bậc ba - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến căn và căn thức bậc hai, bậc ba | |
| Chương VI. Một số yếu tố thống kê và xác suất | | | | | |
| | §1. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ | 2 | 49.50 | - Xác định được tần số của một giá trị - Thiết lập được bảng tần số, biểu đồ tần số (biểu diễn các giá trị và tần số của chúng ở dạng biểu đồ cột hoặc biểu đồ đoạn thẳng). - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của tần số trong thực tiễn. - Lí giải và thiết lập được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ cột; biểu đồ đoạn thẳng. - Lí giải và thực hiện được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang 62 dạng biểu diễn khác | |
| | Ôn tập giữa học kì II | 2 | 51.52 | Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình nửa đầu học kì II | |
| | Kiểm tra giữa học kì II | 1 | 53 | Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong nửa đầu học kì II | |
| | §2. Tần số. Tần số tương đối | 2 | 54.55 | - Xác định được tần số tương đối của một giá trị. - Thiết lập được bảng tần số tương đối, biểu đồ tần số tương đối (biểu diễn các giá trị và tần số tương đối của chúng ở dạng biểu đồ cột hoặc biểu đồ hình quạt tròn). - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của tần số tương đối trong thực tiễn. - Lí giải và thiết lập được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột; biểu đồ hình quạt tròn. - Lí giải và thực hiện được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác - Phát hiện và lí giải được số liệu không chính xác dựa trên mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn trong những ví dụ đơn giản | |
| | §3. Tần số ghép nhóm. Tần số tương đối ghép nhóm | 2 | 56.57 | - Thiết lập được bảng tần số ghép nhóm, bảng tần số tương đối ghép nhóm. - Thiết lập được biểu đồ tần số tương đối ghép nhóm ở dạng biểu đồ cột và dạng biểu đồ đoạn thẳng. - Lí giải và thiết lập được dữ liệu vào bảng thích hợp. - Lí giải và thực hiện được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác. - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học khác trong chương trình lớp 9 và trong thực tiễn. | |
| | §4. Phép thử ngẫu nhiên và không gian mẫu. Xác suất của biến cố | 2 | 58.59 | - Nhận biết được phép thử ngẫu nhiên và không gian mẫu. - Nhận biết được một kết quả là thuận lợi cho một biến cố trong một số phép thử đơn giản - Nhận biết được khái niệm đồng khả năng. - Tính được xác suất của biến cố bằng cách kiểm đếm số trường hợp có thể và số trường hợp thuận lợi trong một số mô hình xác suất đơn giản | |
| | Bài tập cuối chương VI | 1 | 60 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến chương thống kê và xác suất - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung đã học trong chương | |

| | | | |
|---|---|----------------|---|
| Hoạt động thực hành và trải nghiệm Chủ đề 2. Mật độ dân số | 1 | 61 | - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung đã học trong chương thống kê và xác suất |
| Chương VII. Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) - Phương trình bậc hai một ẩn | | | |
| §1. Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) | 3 | 62.63.64 | - Nhận biết được hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) - Vẽ được đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) - Nhận biết được tính đối xứng (trục) và trục đối xứng của đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) |
| §2. Phương trình bậc hai một ẩn | 4 | 65.66 67.68 | - Nhận biết được khái niệm phương trình bậc hai một ẩn. - Giải được phương trình bậc hai một ẩn. - Tính được nghiệm phương trình bậc hai một ẩn bằng máy tính cầm tay. - Vận dụng được phương trình bậc hai vào giải quyết bài toán thực tiễn. |
| §3. Định lí Viète | 2 | 69.70 | Giải thích được định lí Viète và ứng dụng (ví dụ: tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai, tìm hai số biết tổng và tích của chúng,...). |
| Bài tập cuối chương VII | 1 | 71 | - Ôn tập và củng cố các kiến thức liên quan đến hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$), giải phương trình bậc hai và ứng dụng của hệ thức Viète. - Áp dụng các kiến thức đã học để giải các dạng toán liên quan và giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến căn và căn thức bậc hai, bậc ba |
| Ôn tập học kì II | 3 | 72.73.74 | Ôn tập và củng cố các kiến thức trong chương trình học kì II |
| Kiểm tra học kì II | 1 | 75 | Kiểm tra, đánh giá các kiến thức, kĩ năng học sinh được hình thành và rèn luyện trong học kì II |
| Trả bài kiểm tra học kì II | 1 | 76 | |

PHẦN HÌNH HỌC

| STT | Bài học | Số tiết | Tiết theo PPCT | Yêu cầu cần đạt. | Thiết bị dạy học |
|--|--|---------|----------------|--|------------------|
| Chương IV. Hệ thức lượng trong tam giác vuông | | | | | |
| | §1. Tỷ số lượng giác của góc nhọn | 4 | 1.2.3.4 | - Nhận biết được các giá trị sin, cosin, tang, cotang của góc nhọn. - Giải thích được TSLG của các góc nhọn đặc biệt và của hai góc phụ nhau. - Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) TSLG của góc nhọn bằng máy tính cầm tay. | |
| | §2. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông | 4 | 5.6.7.8 | - Giải thích được một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông (cạnh góc vuông bằng cạnh huyền nhân với sin góc đối hoặc nhân với cosin góc kề; cạnh góc vuông bằng cạnh góc vuông còn lại nhân với tang góc đối hoặc nhân với cotang góc kề). - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với TSLG của góc nhọn (tính độ dài đoạn thẳng, độ lớn góc; áp dụng giải tam giác vuông). | |